TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST
Ngày 03 -02- 2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Tuấn, bà Đỗ Thị Vân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thuý Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - N sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Thế Đ, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường D, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Đỗ Huyền T, sinh năm 1995; nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố H, phường D, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố L, phường D, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Hoàng Thế Đ trình bầy: Anh và chị Đỗ Huyền T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 03/3/2017 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, tỉnh Hà Nam (nay là phường D, tỉnh Ninh Bình).

Sau ngày cưới vợ chồng anh chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong sinh hoạt hàng ngày nên dẫn đến mâu thuẫn không thể hàn gắn. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Đỗ Huyền T trình bày: Vợ chồng chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại xã M, huyện D, tỉnh Hà Nam vào năm 2017. Sau ngày cưới vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế cũng như trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay, mỗi người ở một nơi. Nay anh Đ xin ly hôn chị thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đồng ý ly hôn. Hiện nay chị không có thai và không nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi.

Về con chung: Anh Đ, chị T cùng xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Hoàng Quý Đ1, sinh ngày 15/12/2017, cháu Hoàng Ánh D, sinh ngày 29/01/2019 và cháu Hoàng Phương T1, sinh ngày 18/12/2020. Hiện nay anh Đ, chị T đều có quan điểm: Để anh Đ nuôi cháu Đ1, cháu D, để chị T nuôi cháu T1, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh Đ, chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 238 BLTTDS. Áp dụng Điều 51, 55; 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Thế Đ và chị Đỗ Huyền T. Về con chung: Giao anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Hoàng Quý Đ1, sinh ngày 15/12/2017, Hoàng Ánh D, sinh ngày 29/01/2019; giao chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Phương T1, sinh ngày 18/12/2020 kể từ tháng 02 năm 2026 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh Đ, chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đặt ra giải quyết. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Hoàng Thế Đ, chị Đỗ Thị T2 mỗi người phải chịu 75.000đ. Anh Đ được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại THADS tỉnh N.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 – Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- *Về thủ tục tố tụng*:

[1] Anh Hoàng Thế Đ khởi kiện xin ly hôn chị Đỗ Huyền T có nơi cư trú tại phường D, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Anh Hoàng Thế Đ, chị Đỗ Huyền T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Thế Đ và chị Đỗ Huyền T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/3/2017 tại UBND xã M, huyện D, tỉnh Hà Nam (nay là phường D, tỉnh Ninh Bình) là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay. Nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, mỗi người đã lựa chọn cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng đương sự vắng mặt nên không hòa giải được, nay anh Đ xin ly hôn thì chị T cũng đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã tồn tại trong một thời gian mà không được cải thiện, vợ chồng sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị T là phù hợp thực tế và có căn cứ pháp luật.

[5] Về con chung: Vợ chồng anh Đ, chị T có ba con chung là cháu Hoàng Quý Đ1, sinh ngày 15/12/2017, cháu Hoàng Ánh D, sinh ngày 29/01/2019 và cháu Hoàng Phương T1, sinh ngày 18/12/2020. Khi ly hôn, anh Đ, chị T có quan điểm: Giao anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Hoàng Quý Đ1, sinh ngày 15/12/2017, Hoàng Ánh D, sinh ngày 29/01/2019; giao chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Phương T1, sinh ngày 18/12/2020 và không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét quan điểm của các bên tự nguyện nên HĐXX cần ghi nhận sự tự nguyện này của các đương sự.

[6] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng các điều 51, 55; 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Thế Đ và chị Đỗ Huyền T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự, khi ly hôn giao anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Hoàng Quý Đ1, sinh ngày 15/12/2017, Hoàng Ánh D, sinh ngày 29/01/2019; giao chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Phương T1, sinh ngày 18/12/2020 kể từ tháng 02 năm 2026 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh Đ, chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Đ, chị T được quyền thăm hỏi, chăm sóc và giáo dục con chung. Anh Đ, chị T và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị T, anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Hoàng Thế Đ, chị Đỗ Huyền T mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Đ đã nộp theo biên lai số

0000058 ngày 07/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình được đối trừ khi thi hành án. Trả lại anh Hoàng Thế Đ số tiền 225.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm; các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSNDKV 6 - Ninh Bình
- Phòng THADSKV 6 - Ninh Bình
- UBND phường Duy Tân, tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tươi